**Bài 4: Hài kịch và truyện cười**

**Văn bản 1: Đổi tên cho xã (Trích vở kịch Bệnh sĩ – Lưu Quang Vũ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (xung đột, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa của văn bản, tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả,…) của hài kịch.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Đổi tên cho xã.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của hài kịch.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS biết ghét bỏ những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn văn, những hành động trung thực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời, chia sẻ cách hiểu về “Bệnh sĩ” trong cuộc sống.

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *“Bệnh sĩ” là một trong tác phẩm hài kịch ghi dấu ấn trong lòng khán giả của cố tác giả tài ba Lưu Quang Vũ. Nội dung vở kịch lấy bối cảnh ở vùng quê nông thôn kể về ông chủ tịch xã và những người dân chân chất, thật thà nhưng vì tính háo danh, tính sĩ mà ai cũng cố gắng phấn đấu cho mình cái mác thật sang trọng và hiện đại. Để rồi khi bản chất và hiện thực không thống nhất nên đã sinh ra những chuyện dở khóc dở cười. Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu đoạn kịch “Đổi tên cho xã” được trích trong tác phẩm này.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại hài kịch và văn bản *Đổi tên cho xã*.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm.  - GV gọi HS đọc bài, chia theo phân vai nhân vật, thể hiểu đúng ngữ điệu của từng tính cách nhân vật.  - GV đưa ra nhiệm vụ:    *+ Nêu những thông tin về tác giả mà em biết qua việc tìm hiểu và chuẩn bị bài ở nhà.*  *+ Tóm tắt nội dung văn bản.*  *+ Chỉ ra các đặc điểm của hài kịch được thể hiện trong văn bản.*  *+ Nội dung đoạn trích này liên quan như thế nào với tên vở kịch Bệnh sĩ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV giới thiệu thêm:  + Nhắc đến Lưu Quang Vũ là ta lại nhớ đến một nhà soạn kịch tài hoa trong nền văn học hiện đại Việt Nam. Một tài năng trong lĩnh vực văn chương nghệ thuật, trong mỗi một lĩnh vực ông đều để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng bạn đọc.  + Những tác phẩm của Lưu Quang Vũ bắt đầu nổi lên từ những năm 80, lúc ấy đất nước đang trong giai đoạn chiến tranh, vô cùng khó khăn. Các tác phẩm của ông đã để lại một dấu ấn trong lòng bạn đọc bởi tính chân thật, nhân văn. Ra đi ở tuổi đời còn trẻ và sự nghiệp đang trên đà đỉnh cao thế nhưng những tác phẩm để lại rất nhiều. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Lưu Quang Vũ (1948 – 1988).  - Ông là nhà soạn kịch, nhà thơ và nhà văn hiện đại của Việt Nam.  - Ông sinh tại xã Thiệu Cơ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ nhưng quê gốc lại ở quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, là con trai nhà viết kịch Lưu Quang Thuận và bà Vũ Thị Khánh, và tuổi thơ sống tại Phú Thọ cùng cha mẹ.  - Khi hoà bình lập lại (1954) gia đình ông chuyển về sống tại Hà Nội.  - Thiên hướng và năng khiếu nghệ thuật của ông đã sớm bộc lộ từ nhỏ và vùng quê trung du Bắc Bộ đó đã in dấu trong các sáng tác của ông sau này.  **2. Tác phẩm**  - Tóm tắt: Văn bản kể về sự việc xã Cà Hạ sắp được đổi tên, sự việc diễn ra trong buổi công bố tên xã mới vô cùng long trọng. Việc đổi tên xã khiến chính quyền xã phải phân công lại nhiệm vụ cho từng người. Sau khi nghe phân công nhiệm vụ, ông Sửu thắc mắc về nhiệm vụ của mình và được giao cho vị trí chủ nhiệm trung tâm Triệt sản gia súc. Chưa ai hiểu rõ được nhiệm vụ mình được giao là gì, mọi người bàn tán rất nhiều. Kết thúc văn bản là cuộc nói chuyện của ông Nha, ông Thỉnh và Văn Sửa cho thấy sự hài hước, trào phúng của văn bản này.  - Đặc điểm hài kịch được thể hiện trong văn bản:  + Xung đột kịch: xung đột giữa sự thật thà và bệnh ảo tưởng.  + Nhân vật: các nhân vật có sự không tương xứng giữa bên trong và bên ngoài (Ông Nha tỏ ra hiểu biết nhưng thực chất là người ảo tưởng)  + Hành động: mâu thuẫn với phẩm chất.  + Thủ pháp trào phúng: những lời phát biểu của ông chủ tịch xã được phóng đại đến mức khoa trương.  - Đoạn tríchlà phần mở đầu của vở kịch "Bệnh sĩ". |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, theo dõi bài thơ và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu nội dung chính của văn bản.*  *+ Quan sát văn bản và chỉ ra cách trình bày kịch bản có gì khác so với cách trình bày một truyện ngắn, bài kí hoặc thơ.*  *+ Nhận biết các chỉ dẫn sân khấu và chức năng của các chỉ dẫn ấy.*  *+ Phân tích đặc điểm hài kịch được thể hiện rõ ở văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Cuộc họp được tổ chức ở đâu? Bao gồm những ai? Mục đích của cuộc họp này là gì?*  *+ Trong cuộc họp, sự việc nào đã xảy ra? Ngôn ngữ hài hước được thể hiện như thế nào trong các lời của các nhân vật?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Nhân vật ông chủ tịch xã tiêu biểu cho kiểu người nào trong xã hội? Phân tích đặc điểm tính cách của nhân vật này.*  *+ Các nhân vật còn lại góp phần gì trong vở hài kịch?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản, trả lời những câu hỏi gợi dẫn:  *+ Văn bản đã nêu lên và phê phán hiện tượng gì? Điều đó có còn ý nghĩa với cuộc sống hôm nay không?*  *+ Nêu nghệ thuật của các yếu tố hình thức thể hiện trong văn bản hài kịch.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Đặc điểm hài kịch trong văn bản**  - Nội dung: cuộc họp thông báo những đổi mới của xã Hùng Tâm từ tên xã đến chức vụ của một số người.  - Trong văn bản hài kịch:  + Lời đối thoại giữa các nhân vật với nhau, đan xen vào đó là một số câu văn miêu tả hành động của các nhân vật.  + Ngôn ngữ: hài hước, gây cười.  - Đặc điểm hài kịch thể hiện trong văn bản:  + Trong đoạn trích có sự mâu thuẫn giữa cái xấu và cái tốt (Ông Nha vẽ ra một viễn tưởng cao đẹp về một xã phát triển, giàu mạnh nhưng thực tế thì những gì ông làm đều chỉ đẩy người dân vào cái nghèo đói) 🡪 sự tương phản giữa áo tưởng và thực tế.  + Nhân vật có sự không tương xứng giữa thực chất bên trong và hình thức bên ngoài, giữa suy nghĩ và hành động khiến việc làm trở nên lố bịch hài hước.  **2. Bối cảnh, sự việc trong vở kịch**  - Địa điểm: trụ sở Ủy ban xã.  - Thành phần tham gia:  + Ông Nha – chủ tịch xã.  + Văn Sửu – thư kí của ông Nha.  + Các cán bộ, xã viên và đại diện những người dân của xã: ông Thình, ông bà Độp, anh Tỵ, ông Ruộng, cô Xoan, bà Thù,…  - Mục đích cuộc họp: thông báo việc xã đổi tên thành xã Hùng Tâm, phố Cà, thủ phủ của sẽ thành thị trấn Hùng Tâm.  - Sự việc: đổi tên mới của xã là Hùng Tâm hay hơn và có ý nghĩa hơn cái tên Cà và Cà Hạ, tên cũ không có ý nghĩa gì đặc biệt.  - Ngôn ngữ hài hước:  + Người hoạn lợn được mở một Trụ sở Hoạn lợn và được lấy với cái tên bớt thô là Trung tâm Triệt sản gia súc Hùng Tâm.  + Ngôn ngữ của ông Nha: “ta bung ra, ta bung ra pháo” 🡪 ông muốn phát triển kinh tế nhưng những công việc vốn là lợi thế ở xã lại triệt để vứt bỏ, chuyển sang sản xuất pháo, thứ mà chính những người nhận nhiệm vụ quản lí cũng không hiểu rõ 🡪 lộ ra nhiều sự thiếu hiểu biết của mình.  **3. Các nhân vật trong vở hài kịch**  ***a. Nhân vật ông chủ tịch xã***  - Nhân vật tiêu biểu cho kiểu người thích sống giả dối trong xã hội.  - Ông Nha là một người sống giả dối và tham vọng một cách mù quáng.  - Ông mong ước xây dựng và phát triển một xã khoa học để ông vẻ vang với các xã khác và với cấp trên.  - Ông tìm hiểu những nơi khác nhưng chỉ tìm hiểu một cách hời hợt, chưa có sự phân tích tình hình thực tế của xã mình đã vội vàng đổi mới.  - Ông muốn phát triển kinh tế nhưng lại vứt bỏ những thứ vốn là cần câu cơm của người dân nơi đây.  - Ông nói những từ ngữ khoa chương, lố bịch như *“Bây giờ làm ăn mới rồi, quy mô khoa học....Đâu muốn hoạn phải mang lợn đến tận trụ sở”*  - Lời ông nói sáo rỗng, phong chức một cách tràn lan nhưng thực tế thì chẳng ra đâu vào đâu, chính những người giữ chức đó còn chẳng hiểu mình sẽ làm gì.  🡪 Mắc bệnh sĩ, gắn mác oai, sang trọng nhưng thực chất lại không có gì.  ***b. Các nhân vật còn lại***  - Những người thiếu hiểu biết, thiếu kinh nghiệm 🡪 dễ dàng nghe, làm theo, không hiểu cụ thể tình hình.  => Làm nổi bật lên sự hoang đường của chủ tịch xã, vừa thể hiện bản chất và hiện thực không giống nhau.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung – ý nghĩa**  - Văn bản đã nêu lên và phê phán một hiện tượng nhức nhối trong xã hội Việt Nam, đó là thích sĩ diện. Qua đó, phản ảnh thực trạng xảy ra ở nhiều cá nhân, cơ quan, tổ chức,…  **2. Nghệ thuật**  - Sử dụng từ ngữ giản đơn, gần gũi với người đọc, người xem giúp thể hiện yếu tố hài hước và nội dung vở kịch trọn vẹn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chiếu cho HS xem một đoạn ngắn vở kịch “Bệnh sĩ”, quan sát cách thể hiện của các diễn viên.

Link: <https://www.youtube.com/watch?v=GB4jSUI2770>

- GV chia HS thành các nhóm nhỏ, thực hiện đóng lại đoạn trích vở kịch “Đổi tên cho xã”.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy viết một đoạn văn ngắn (8-10 dòng) trình bày hiện tượng “bệnh sĩ” ở một bộ phận giới trẻ hiện nay.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 2: Cái kính (Nê-xin)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS cần nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện cười hiện đại như: tình huống gây cười, nhân vật, hành động gây cười, thủ pháp gây cười…).

- Nêu được nội dung bao quát của văn bản truyện cười (nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, chủ đề, ý nghĩa; tình cảm, thái độ của tác giả...).

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cái kính.*

- Năng lực đọc hiểu văn bản truyện cười.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS bồi dưỡng phẩm chất giản dị, khiêm tốn. Từ đó, ghét những thói hư tật xấu, phê phán cái giả dối, biết trân trọng những suy nghĩ trong sáng, nhân văn, những hành động trung thực…

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chiếu slide có hình ảnh minh họa một số truyện cười dân gian, yêu cầu HS trả lời, bổ sung thông tin (nếu cần), yêu cầu HS gọi và kể tên được một số truyện cười đã nghe, đã đọc.

- GV: *Vì sao em cho rằng truyện mà em vừa kể tên là một truyện cười?*

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: Bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu một trong những truyện cười đặc sắc xoay quanh câu chuyện chiếc kính nhé!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại hài kịch và văn bản *Cái kính.*

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm, điền vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chủ đề:  tác giả Nê-xin và thể loại truyện cười | | | | K | W | L | |  |  |  |   - GV gọi HS đọc bài, chia theo phân vai nhân vật, thể hiểu đúng ngữ điệu của từng tính cách nhân vật.  - GV đưa ra nhiệm vụ:  *+ Tóm tắt nội dung truyện*  *+ Trình bày những nét khái quát về văn bản: nhân vật chính, ngôi kể, thể loại, trình tự kể…*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả A-dít Nê-xin**  - A-dít Nê-xin: 1915-1995  + Quê: Thổ Nhĩ Kì  + Là nhà văn nổi tiếng, có nhiều tác phẩm thuộc thể loại tiểu thuyết và truyện cười được dịch sang tiếng Việt.  + Tác phẩm: Những người thích đùa, Chát xình! Chát chát bùm!, Cầu thủ bóng đá,…  **2. Tác phẩm Cái kính**  - Tóm tắt: Truyện kể về nhân vật "tôi" - một người thích tỏ ra mình là một tri thức chính hiệu. Vì muốn đeo kính, anh ta đi khám mắt. Lần đầu, bác sĩ bảo anh ta cận và cho anh ta đeo kính cận, kết quả là khi đeo anh ta luôn cảm thấy buồn nôn. Lần hai đi khám, anh ta bị bảo là mắt bị viện thị, anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe. Lần thứ ba đi khám, người ta bảo anh bị loạn thị, anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lùi ra xa khiến anh khó khăn trong giao tiếp và ăn uống. Lần thứ tư đi khám, anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai. Lần thứ năm đi khám, bác sĩ phán anh một mắt viễn thị, một mắt cận thị. Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa. Sau đó anh đi khám ở nhiều nơi khác, lại uống thuốc, lại tiêm... nhưng vẫn không nhìn rõ được. Một lần, anh bị ngã, kính rơi ra, người khác giúp anh nhặt lại. Từ lúc đó anh nhìn cái gì cũng rõ hẳn. Đến khi vợ anh nhắc, anh mới biết kính mình bị vỡ.  - Xuất xứ: trích trong “Những người thích đùa”, Thái Hà dịch (NXB Văn học, Hà Nội, 2014)  - Thể loại: truyện cười  - PTBĐ: tự sự, miêu tả, biểu cảm. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, theo dõi bài thơ và trả lời câu hỏi:  *+ Vì sao nhân vật tôi lại quyết định đi đo kính?*  *+ Câu chuyện diễn ra xoay quanh sự kiện nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV sử dụng kĩ thuật vấn đáp để hướng dẫn HS tìm hiểu về tình huống của câu chuyện.  - HS suy nghĩ cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận vào nhóm và hoàn thành bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kết luận của bác sĩ** | **Cảm giác khi đeo kính mới** | **Nhận xét** | | Lần 1 |  |  | | Lần 2 |  |  | | Lần 3 |  |  | | Lần 4 |  |  | | Lần 5 |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Theo em, yếu tố gây cười của truyện được thể hiện qua những chi tiết nào?*  *+ Qua câu chuyện về những chiếc kính của nhân vật tôi, em rút ra được bài học nào cho bản thân mình?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho HS tổng kết lại nội dung, nghệ thuật của văn bản, trả lời những câu hỏi gợi dẫn:  *+ Nhắc lại những thành công về nghệ thuật của văn bản?*  *+ Khái quát nội dung chính của văn bản?*  *+ Văn bản gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào?*  *+ Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong văn bản truyện cười?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tình huống gây cười**  - Nhân vật tôi đi đo kính vì:  + Một người bạn gợi ý.  + Mắt mờ hẳn từ sau khi gặp người bạn đó.  + Vì nghĩ rằng đeo kính vào thì trông sẽ tri thức hơn.  🡪 Đeo kính không phải vì mắt khó nhìn mà vì trông cho tri thức hơn; thậm chí bị ảo tưởng khiến cho mắt bị mờ đi. Đây là một người sĩ diện, thích khoe khoang, thích được người nể trọng vì “tri thức” của mình.  - Câu chuyện xoay quanh những lần đi đo kính của nhân vật “tôi”.  🡪 Vì không có bệnh về mắt nên người đàn ông đeo kính nào cũng không phù hợp, dù rằng đã đi khám đủ các bác sĩ trong ngoài nước.  **2. Sự việc và nhân vật gây cười: những lần đi mua kính**  - Lần 1: Cứ đeo vào là “tôi” thấy mặt mày sa sầm, buồn nôn không chịu được.  - Lần 2: Anh ta đeo kính mới mà mắt lúc nào cũng đỏ hoe.  - Lần 3: Anh đeo kính thì nhìn cái gì cũng lùi ra xa khiến anh khó khăn khi bắt tay, đi lại và ăn uống.  - Lần 4: Anh đeo kính mới nhìn cái gì cũng hóa hai.  - Lần 5: Anh đổi sang kính khác và không phân biệt được sáng, tối nữa.  🡪 Các bác sĩ trong truyện là những người không có chuyên môn, hành nghề không có tâm. Mắt của nhân vật "tôi" vốn chẳng bị gì hết nhưng lại bị phóng đại thành có bệnh, rồi bệnh này sang bệnh kia. Các ông bác sĩ chê nhau nhưng chính mình cũng khám không ra.  **3. Bài học cuộc sống**  - Không nên sĩ diện hay quá coi trọng cái bên ngoài bóng bẩy mà để bên trong sáo rỗng.  - Còn tồn tại những người bị bệnh “tưởng”, tự ám ảnh và tự làm khổ chính mình cùng những người xung quanh.  - Trong xã hội, vẫn còn có những thầy thuốc khám bệnh không vì y đức và tình yêu thương đối với người bệnh mà vì danh lợi, của cải vật chất.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Dùng tiếng cười nhẹ nhàng phê phán hiện tượng bệnh tưởng trong cuộc sống và sự thiếu trách nhiệm trong khám chữa bệnh của một số y, bác sĩ.  **2. Nghệ thuật**  - Cốt truyện giản dị, đời thường, sử dụng thành công thủ pháp phỏng đại để tạo ra được tiếng cười phê phán nhẹ nhàng nhưng ý nghĩa sâu sắc, thấm thía, ... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: *Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Theo em, nhân vật “tôi” trong truyện Cái kính có mắc bệnh tưởng hay không? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 – 12 dòng) giải thích vì sao.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- Gợi ý đáp án: Từ điển tiếng Việt giải nghĩa từ bệnh tưởng là: “trạng thái tinh thần lo lắng do bị ám ảnh là mình đã mắc một bệnh nào đó, kì thật không phải”. Từ khái niệm này có thể thấy nhân vật “tôi” trong truyện mắc bệnh ảo tưởng nghiêm trọng. Chỉ vì muốn được trong tri thức mà anh ta bất chấp đánh đổi sức khoẻ để đeo kính. Anh ta thậm chí đã thay đổi kính những bốn lần mặc dù mắt anh ta hoàn toàn bình thường, đây là biểu hiện của sự ảo tưởng và vô trách nhiệm với bản thân. Giá trị của mỗi người là ở chính bản thân họ chứ không phải chỉ nhờ vào cặp kính.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Trong cuộc sống, em đã chứng kiến (đã nghe, đã đọc) nhiều trường hợp con người bị mắc bệnh “tưởng”. Hãy chia sẽ với các bạn trong lớp một trường hợp như thế. Xác định nguyên nhân và thử tìm giải pháp khắc phục.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành tiếng Việt trang 95**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn

- Vận dụng được hiểu biểt về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn của câu trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Biết tự học và tự chủ trong việc đọc, nghiên cứu nội dung bài học trong sách giáo khoa.

- Có năng lực giao tiếp tốt, hợp tác nhóm tích cực, biết giải quyết nhiệm vụ được giao trong bài học một cách sáng tạo.

***b. Năng lực đặc thù***

- Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học qua việc:

+ Nhận diện nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

+ Vận dụng nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn để viết đoạn văn, trong khi nói, khi viết.

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

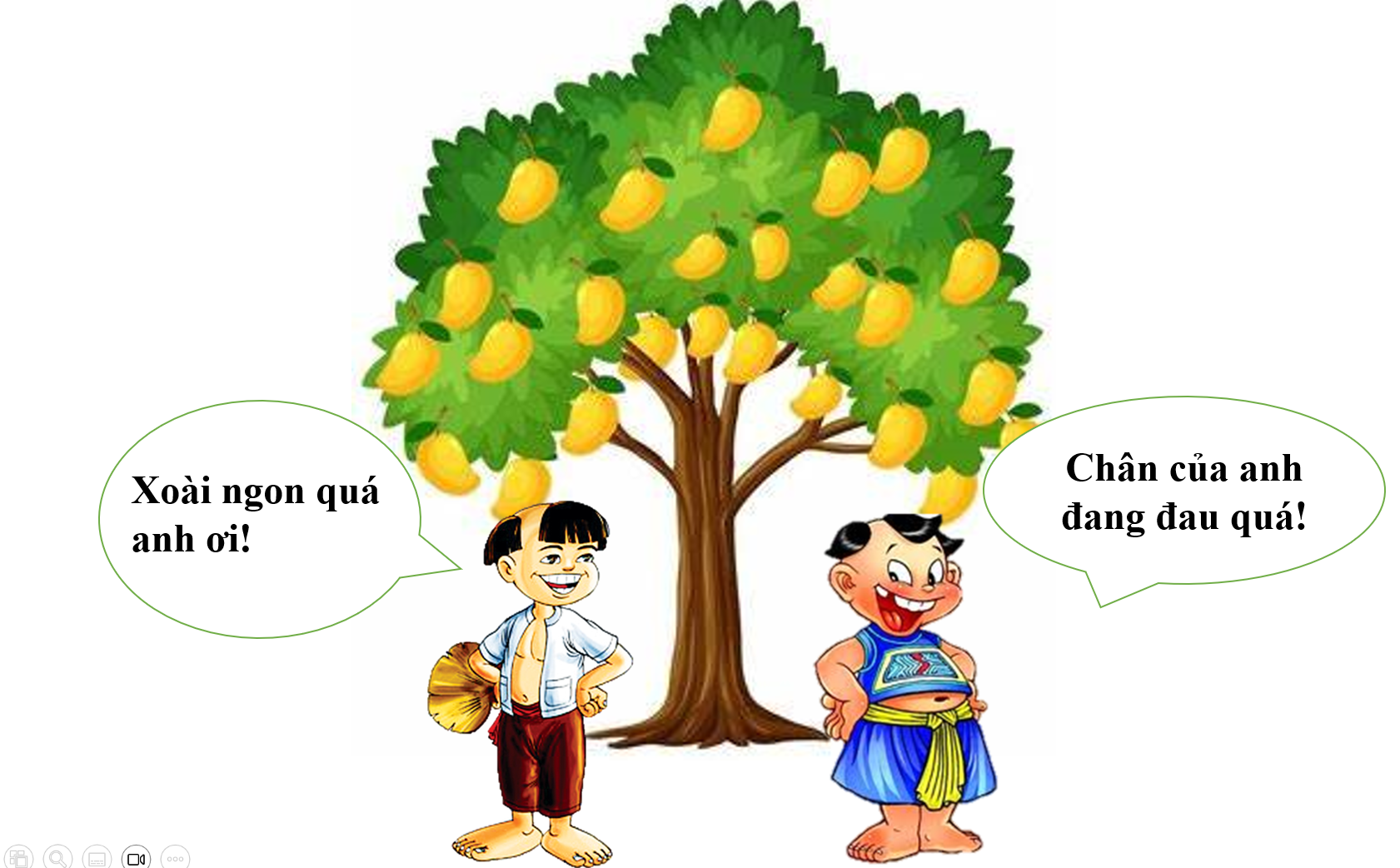
**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV chiếu hình ảnh và đặt câu hỏi*: Em hãy quan sát bức tranh và cho biết câu trả lời của người anh có liên quan gì đến câu nói của người em không?*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong bài thơ “Tiếng Việt” nhà thơ Lưu Quang Vũ có viết:

*“Ôi Tiếng Việt như đất cày, như lụa*

*Óng tre ngà và mềm mại như tơ”*

Đó chính là phát hiện, đúc rút sâu sắc về những đặc trưng của tiếng nói dân tộc, vừa cứng cỏi, khỏe khoắn, vừa mềm mại, dịu dàng, vừa chân chất, mộc mạc, vừa óng ả, tinh tế. Trong chương trình ngữ văn nói chung và chương trình ngữ văn lớp 8 nói riêng. Các tiết thực hành Tiếng Việt có vai trò vô cùng quan trọng, giúp chúng ta biết cách sử dụng tiếng Việt đúng hơn, đẹp hơn, hay hơn. Bên cạnh đó, các tiết học tiếng Việt còn giúp chúng ta bồi đắp năng khiếu thẩm mỹ, lòng tự hào và ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt. Bài học nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn ngày hôm nay cũng nhằm mục đích đó.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn**

**a. Mục tiêu:** Nắm vững tri thức về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  + Nêu hiểu biết của em về nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.  + Phân biệt nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn trong SGK để chuẩn bị nội dung trả lời.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Nghĩa tường minh**  - Nghĩa tường minh của câu là nội dung thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu.  **2. Nghĩa hàm ẩn**  - Nghĩa hàm ẩn của câu là nội dung thông báo được suy ra từ nghĩa tường minh và từ ngữ cảnh.  **3. Phân biệt**  - Giống nhau: Đều sử dụng lời nói để diễn đạt thông tin  - Khác nhau:  + Tường minh: Diễn đạt trực tiếp điều muốn nói.  + Hàm ẩn: Điều muốn nói không trực tiếp diễn đạt bằng từ ngữ trong câu mà phải suy ra từ những từ ngữ ấy -> Diễn đạt gián tiếp điều muốn nói. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 1 (trang 95/SGK).  - GV chia lớp làm 3 nhóm, hướng dẫn HS cách xác định nghĩa hàm ẩn trong các trường hợp.  + Nhóm 1 – câu a  + Nhóm 2 – câu b  + Nhóm 3 – câu c  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 2 (trang 95/SGK).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Để sử dụng nghĩa hàm ẩn, cần có hai điều kiện:  + Người nói ( người viết) có ý thức đưa hàm ẩn vào câu nói  + Người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán hàm ý.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3 (trang 96/SGK).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 4 (trang 96/SGK), hoạt động cá nhân.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1 (trang 95/SGK)**  a) Câu: "Nói thật với ông: Chú em rể tôi vừa trúng Chủ tịch huyện, chú ấy nể tôi lắm." là lời khoe khoang của ông Nha với Văn Sửu và ông Thình về mối quan hệ của mình với lãnh đạo cấp trên (thuộc văn bản *Đổi tên cho xã*).  b) Câu: "Thằng cha lang băm nào cho anh cái đơn kính này thế?" là lời chê bai của ông bác sĩ xem mắt cho nhân vật "tôi" trong văn bản *Cái kính*, tỏ ý chê bai về việc nhân vật "tôi" không bị cận nhưng lại được chỉ định đeo kính.  c) Câu: "Cậu phải đi khám bệnh viện nhà nước xem sao!" là lời của người bạn thân với nhân vật "tôi" trong văn bản *Cái kính*, khi thấy bạn thân mình gặp vấn đề về mắt khi đeo kính, người bạn thân gợi ý việc đi khám ở bệnh viện nhà nước vì "bệnh viện nhà nước khám cẩn thận" và ngầm chê bai bác sĩ tư.  **Bài tập 2 (trang 95/SGK)**  a) Giải thích nghĩa hàm ẩn:  - "Con chỉ được ăn ở nhà bữa này nữa thôi." = Sau bữa ăn này con không còn được ở nhà với thầy mẹ và các em nữa. Mẹ đã bán con.  - "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài." = Mẹ đã bán con cho nhà cụ Nghị thôn Đoài.  => Chị Dậu không dám nói thẳng với con mà phải dùng câu có nghĩa hàm ẩn vì chị sợ làm tổn thương cái Tí, sợ nó tủi lòng và nghĩ rằng gia đình không yêu thương nó nữa.  b) Nghĩa hàm ẩn được thể hiện rõ nhất qua câu: "Con sẽ ăn ở nhà cụ Nghị thôn Đoài."; câu văn thể hiện rõ thông tin, nhờ đó cái Tí biết rõ nơi mà nó sắp phải đến ở.  **Bài tập 3 (trang 96/SGK)**  a – 3  b – 1  c – 4  d – 5  e – 2  **Bài tập 4 (trang 96/SGK)**  \*Về hình thức, bài làm dưới dạng đoạn văn (khoảng 5 - 7 dòng).  \*Về nội dung, bài làm trả lời những câu hỏi sau:  - Câu tục ngữ mà em định nói tới là câu nào?  - Nghĩa tường minh của câu tục ngữ ấy là gì?  - Nghĩa hàm ẩn của câu tục ngữ ấy là gì?  - Bài học em rút ra được từ câu tục ngữ ấy là gì? |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Viết đoạn văn ( 6-8 câu) nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam. (Trong đoạn văn có sử dụng tục ngữ hoặc thành ngữ có nghĩa hàm ẩn)*

- GV hướng dẫn HS:

+ Về nội dung: suy nghĩ về tình yêu quê hương đất nước của người Việt Nam

+ Về hình thức: Trình bày đoạn văn cần đảm bảo đủ dung lượng câu, đảm bảo hình thức của 1 đoạn văn.

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  - Tổ chức trò chơi | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành đọc hiểu:**

**Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** HS tiếp tục nhận biết được các yếu tố hình thức của truyện cười (nhân vật, lời thoại).

- HS hiểu được các yếu tố nội dung của văn bản (đề tài, ý nghĩa).

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Thông qua các hoạt động học tập để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: ghét những thói hư tật xấu, biết phê phán, loại bỏ những tật xấu trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh bìa sách truyện cười dân gian Việt Nam, link web đọc thêm về truyện cười dân gian.

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS xem video sau: [**https://youtu.be/evxxxk2Z\_sI**](https://youtu.be/evxxxk2Z_sI)(GV cắt lấy 3 phút đầu video)

- GV nêu câu hỏi kết nối bài học: *Theo em, tại sao khi xem đoạn video này, em lại bật cười? Em cười ai? Cười điều gì ở nhân vật này?*

- GV mời HS phát biểu ý kiến

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong xã hội nhiều khi có những kẻ học đòi khiến cho mình trở nên lố bịch trơ trẽn. Bất bình trước thói học đòi của một số kẻ thích làm sang theo lối thượng lưu nhưng thiếu hiểu biết đã gây cười cho thiên hạ, nhà viết kịch mô- li-e đã thể hiện điều đó qua nhân vật ông Giuốc - đanh mà chúng ta sẽ tìm hiểu qua bài học.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu về tác giả Mô-li-e, đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”*.*

Giải quyểt vấn đề.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục*

**c. Sản phẩm:** HS nắm được nội dung của tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày: *Qua tìm hiểu ở nhà, nêu những hiểu biết của em về tác giả Mô-li-e.*  (GV yêu cầu HS chuẩn bị sản phẩm tìm hiểu tác giả ở nhà với hình thức: sơ đồ tư duy, trang Facebook cá nhân hoặc hồ sơ người nổi tiếng).  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc thông tin tác giả, trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu giọng đọc: Đọc to, rõ ràng, diễn cảm, những chỗ lời nhân vật, đọc đúng giọng điệu.  - GV mời học sinh chọn vai và đọc:  + Người dẫn chuyển cảnh  + Ông Giuốc-đanh: Giàu có, ngu ngơ, lại háo danh, dễ bị lừa.  + Bác phó may  + Tay thợ phụ.  => Giọng phó may, thợ phụ: Khéo léo, chiều khách, nịnh hót nhưng trong bụng lại biết rõ và coi thường vị khách sộp nhưng ngu ngốc này.  - HS thảo luận theo cặp trong bàn:  *+ Nêu xuất xứ*, *tóm tắt đoạn trích.*  *+ Văn bản có thể chia bố cục làm mấy phần? Nội dung từng phần?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc theo bàn, thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả Mô-li-e**  - Mô-li-e (1622 - 1673) tên khai sinh là Jean-Baptiste Poquelin.  - Mô-li-e sinh ở Paris, cha ông là nhà buôn len dạ giàu có sau đó làm hầu cận nhà vua. Lên 10 tuổi, Mô-li-e mồ côi mẹ. Ông học ở Jesuit Clermont College (nay là Lycée Louis-le-Grand), là nơi học sinh phần nhiều học bằng tiếng Latin.  - Mô-li-e thông thạo tiếng Latinh và đã dịch tác phẩm "Về bản chất sự vật" của thi hào Lucretius sang tiếng Pháp (bản dịch bị thất lạc). Vào năm 1639, ông học xong Jesuit Clermont College, năm 1639 – 1640 học luật tại Đại học Orlean. Bố của Poquelin thường nhắc con theo con đường của ông - nối nghiệp chức vị trong cung đình. Tuy nhiên ông không theo ý cha, nhường công việc này cho em trai và chọn nghề diễn viên.  - Vào năm 1643, ông thành lập đoàn kịch Illustre Théâtre và lấy nghệ danh Mô-li-e từ đây. Sau một số thất bại do mắc nợ nhiều, đoàn kịch phải giải thể, ông bị bỏ tù..  - Ông được biết đến với vai trò là nhà thơ, nhà viết kịch, người sáng tạo ra thể loại kịch cổ điển và ông là một bậc thầy của kịch nghệ châu Âu  - Năm 1655, ông viết vở kịch thơ đầu tiên là “Gàn dở”  - Đến năm 1672 - 1673 ông viết vở kịch cuối cùng là “Bệnh giả tưởng”.  **2. Tác phẩm**  - Vở kịch “Trưởng giả học làm sang” gồm 5 hồi, được ra đời là theo lời đề nghị của vua Lu- i XIV, nhân dịp đón tiếp xứ quán Thổ Nhĩ Kì.  - Thể loại: Hài kịch.  - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  - Văn bản “Ông Giuốc- đanh mặc lễ phục” được trích từ cảnh 5 hồi 2.  - Đoạn trích kể chuyện bác phó may mang đến cho ông Giuốc-đanh bộ lễ phục thêu hoa ngược khiến ông tức giận. Nhưng khi nghe bác ta nói tất cả những người quý tộc đều mặc như vậy cả thì Giuốc-đanh tỏ vẻ rất hài lòng.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu → các nhà quý phái: Cuộc đối thoại giữa ông Giuốc-đanh và bác phó may trước khi mặc lễ phục.  + Phần 2: Còn lại: Cuộc đối thoại của ông Giuốc-đanh và những tay thợ phụ sau khi mặc lễ phục. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS dựa vào văn bản, hoàn thành các bảng sau:  + Bảng số 1: Tìm hiểu ông Giuôc-đanh trước khi mặc lễ phục.   |  |  | | --- | --- | | **Ông Giuốc-đanh**  **trước khi mặc lễ phục** | | | Thái độ lúc đầu |  | | Thái độ lúc về sau |  | | Nguyên nhân thay đổi |  | | Mâu thuẫn gây cười |  | | Đánh giá |  |   + Bảng số 2: Tìm hiểu ông Giuôc-đanh sau khi mặc lễ phục.   |  |  | | --- | --- | | **Thợ phụ** | **Thái độ**  **Giuốc-đanh** | | Bẩm ông lớn |  | | Bẩm cụ lớn |  | | Bẩm đức ông |  | | Đánh giá Giuốc-đanh: | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm, đọc lại văn bản để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 6 nhóm, kết nối với phần Khởi động, trả lời câu hỏi sau: *Vì sao ông Giuốc-đanh là một nhân vật hài kịch? Chúng ta cười ông ta vì những điểm nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc nhóm, đọc lại văn bản để hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức.  **NV3**:  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi sau:  *+ Chỉ ra những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?*  Thời gian: 2 phút.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Ông Giuốc-đanh trước khi mặc lễ phục**  - Thái độ: Sắp phát khùng vì:  + Bộ lễ phục mang đến chậm, không phải màu đen, may hoa ngược.  + Đôi bít tất: chật đến nỗi đã đứt 2 mắt.  + Đôi giày: cũng chật khiến chân đau ghê gớm.  + Vải may áo bị cắt bớt.  - Về sau: bác phó may “vụng chèo khéo chống”, đánh vào tâm lí thích học đòi làm sang theo kiểu quý tộc nên ông ưng thuận ngay.  - Mâu thuẫn kịch gây cười -> Giuốc-đanh khó tính, khắt khe từ chủ động trở thành bị động trước sự ma mãnh của tay phó may lọc lõi, khéo miệng đưa đẩy chỉ vì thói học đòi làm sang.  → Giuốc-đanh thích ăn diện, muốn có vẻ bề ngoài sang trọng nhưng lại ngu dốt không có chút kiến thức nào về ăn mặc.  **2. Ông Giuốc-đanh sau khi mặc lễ phục**  - Tay thợ phụ tôn xưng Giuốc-đanh: ông lớn → cụ lớn → đức ông ⇒ mục đích moi tiền.  - Ông Giuốc-đanh: Yêu cầu nhắc lại, sung sướng, cười lớn, liên tục thưởng tiền.  - Mâu thuẫn gây cười: Giuốc-đanh biết mình bị lợi dụng nhưng vẫn chi tiền vì thói học đòi làm sang.  → Kẻ háo danh, ưa nịnh  ⇒Thể hiện sự lố lăng, quê kệch, ngu dốt – con rối, trò cười cho mọi người.  ⇒ Tác giả phê phán những người dốt nát muốn học đòi làm sang.  - Câu *nói riêng* ở cuối đoạn vừa chứng minh cho tính cách của ông vừa làm tăng thêm tính cách hài cho nhân vật và cảnh kịch vì háo danh nên trở thành nạn nhân của thói nịnh bợ: bị rút tiền thưởng.  **3. Nhân vật hài kịch**  **-** Khán giả cười ông vì ông ngu dốt chẳng biết gì, chỉ vì thói học đòi làm sang mà bị bác phó may và tay thợ phụ lợi dụng để kiếm chác  **-**  Cười vì thấy ông ngớ ngẩn tưởng rằng phải mặc áo hoa ngược mới là sang trọng. Cười vì thấy ông cứ moi tiền mãi để mua cái danh hão.  **-** Khán giả cười đến vỡ rạp khi tận mắt nhìn trên sân khấu ông Giuốc-đanh bị 4 tay thợ phụ lột quần áo ra, mặc cho bộ lễ phục lố lăng theo nhịp điệu, màu sắc vớ vẩn (không phải là màu đen sang trọng) lại may ngược hoa, ấy thế mà vẫn vênh vang ra vẻ ta đây là quý phái.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời thoại chân thực, sinh động.  - Ngôn ngữ trào phúng, mỉa mai, đả kích, phê phán.  - Nghệ thuật tăng cấp khắc họa rõ nét tính cách nhân vật.  **2. Nội dung**  Đoạn trích khắc họa tài tình tính cách lố lăng của một tên trưởng giả muốn học làm sang, tạo nên tiếng cười sảng khoái cho khán giả. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Sân khấu hóa đoạn trích *Ồng Giuốc-đanh mặc lễ phục.*

- GV chia lớp thành 2 nhóm, thực hiện nhiệm vụ:

*+ Nhóm 2: Sân khấu hóa cảnh 1: Ông Giuốc-đanh và bác phó may*

*+ Nhóm 1: Sân khấu hóa cảnh 2: Ông Giuốc-đanh và tay thợ phụ****.***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV đánh giá sản phẩm.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm) | Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm) | Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem.  (9- 10 điểm) |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:

*+ Nếu người thân hoặc bạn của em có tính cách như ông Giuốc-đanh, em sẽ khuyên họ như thế nào?*

*+ Viết một đoạn văn từ 6-8 dòng nhận xét về nhân vật phó may và các thợ phụ trong văn bản?*

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

***\*Dàn ý đoạn văn:***

- Mở đoạn:Giới thiệu về nhân vật phó may và thợ phụ trong đoạn trích “Ông Giuốc-đanh mặc lễ phục”

- Thân đoạn: Trình bày cảm nhận của em về các nhân vật.

- Kết bài:Rút ra bài học ý nghĩa cho bản thân: Biết sống giản dị, phù hợp với điều kiên, hoàn cảnh của mình, không nên học đòi theo những người có điều kiện; sống có trách nhiệm với mọi người,....

- Hình thức đoạn văn: đảm bảo hình thức đoạn văn và dung lượng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  -Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành đọc hiểu:**

**Thi nói khoác**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

**-** HS tiếp tục nhận biết được các yếu tố hình thức của truyện cười (nhân vật, lời thoại).

- HS hiểu được các yếu tố nội dung của văn bản (đề tài, ý nghĩa).

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Thông qua các hoạt động học tập để phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thi nói khoác.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: ghét những thói hư tật xấu, biết phê phán, loại bỏ những tật xấu trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Tranh ảnh bìa sách truyện cười dân gian Việt Nam, link web đọc thêm về truyện cười dân gian.

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS xem video một truyện cười dân gian Việt Nam và phát vấn về video.

- GV nêu câu hỏi trước khi xem video: Điều gì khiến cho em cười sau khi xem, nghe truyện trong video sau?

- GV cho HS xem video: Đến chết vẫn hà tiện

https://www.youtube.com/watch?v=k8u5ZsIfYrA

- GV mời HS phát biểu ý kiến

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được thể loại, các yếu tố hình thức của văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Thi nói khoác.*

**c. Sản phẩm:** HS nắm được nội dung của tác phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giao nhiệm vụ, chia các nhóm 4-6 HS/ nhóm; HS chuẩn bị tìm hiểu thảo luận tại nhà.   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Câu trả lời** | | 1. Thể loại của văn bản? |  | | 2. Ý nghĩa nhan đề của văn bản? |  | | 3. Xuất xứ văn bản. |  | | 4. Các nhân vật trong văn bản? |  | | 5. Tại sao nói “Thi nói khoác là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật”? |  |   - GV hướng dẫn HS cách đọc, đọc mẫu và mời HS đọc văn bản  - GV yêu cầu HS giải nghĩa một số từ khó.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận nhiệm vụ học tập và thực hiện tại nhà  - HS báo cáo kết quả tại lớp  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thể loại: truyện cười dân gian.  - Ý nghĩa nhan đề:“Thi nói khoác” là thi nói những điều không có thật trong cuộc sống.  - Xuất xứ: Tác phẩm in trong “Truyện cười dân gian Việt Nam”.  - Nhân vật: bốn viên quan và 1 tên lính hầu.  - “Thi nói khoác” là một truyện cười ngắn gọn, cốt truyện đơn giản, ít nhân vật” vì:  - Dung lượng ngắn gọn  - Cốt truyện đơn giản:  + Ít nhân vật: bốn viên quan và một tên lính hầu  + Sự việc đơn giản: bốn viên quan thi nhau nói những điều không có thật trong thực tế để xem ai nói giỏi hơn  + Mỗi viên quan nói một lượt lời và kết thúc bất ngờ ở lời tên lính hầu.  → “Thi nói khoác” là truyện cười dân gian mang những đặc điểm tiêu biểu của thể loại truyện cười. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Phân tích được gây cười trong câu chuyện và rút ra bài học ứng xử cho bản thân.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia nhóm, tổ chức thảo luận và hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Nội dung trả lời** | | 1. Em hãy chỉ ra hoàn cảnh và lời nói khoác của bốn viên quan trong cuộc thi nói khoác. |  | | 2. Tại sao nội dung nói khoác của ông quan thứ hai và thứ tư đều có ý “nói lỡm” ông quan thứ nhất và thứ ba? |  | | 3. Kết thúc truyện có gì bất ngờ? Đâu là yếu tố gây cười trong tác phẩm? |  | | 4. Theo em, ý nghĩa của câu chuyện này là gì? |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận trực tiếp tại lớp.  - GV quan sát, hướng dẫn nhóm học tập.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời đại diện nhóm bất kì trình bày.  - Mời nhóm khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Cuộc thi nói khoác giữa bốn viên quan**  - Hoàn cảnh cuộc thi nói khoác:  + Bốn viên quan được nghỉ  + Bốn người rủ nhau đánh chén → Hoàn cảnh dễ khiến con người nói khoác  - Lời thoại của bốn viên quan:  + Ông thứ nhất  + Ông thứ hai  + Ông thứ ba  + Ông thứ tư  - Nội dung nói khoác của ông thứ hai có ý giễu cợt ông thứ nhất vì “một sợi dây thừng gấp mười cái cột đình làng này” chính là dùng để trói “con trâu liếm một cái hết cả sào mạ”.  - Nội dung nói khoác của ông thứ tư có ý giễu cợt ông thứ ba vì cái cây cao “trứng chim ở ngọn cây rơi xuống nửa chừng, chim đã nở đủ lông đủ cánh bay đi rồi” chính là dùng để làm cây cầu mà “người ở hai đầu chẳng bao giờ trông thấy được nhau, hai cha con ở hai đầu chẳng bao giờ gặp được nhau”.  → Viên quan nào cũng ra sức khoác lác để chứng tỏ mình giỏi hơn người kia.  **2. Kết thúc truyện cười**  - Bốn viên quan đang sung sướng, sảng khoái, đắc chí vì sự khoác lác của mình thì bỗng có tiếng thét làm các quan giật bắn người, “run cầm cập, nhìn xung quanh”  - Bất ngờ hơn nữa tiếng thét “uy quyền” khiến bốn viên quan hoảng sợ là tên lính hầu nhỏ bé cũng đang nói khoác “chơi chơi” với các quan. → Đây chính là yếu tố gây cười bất ngờ của tác phẩm.  **3. Ý nghĩa truyện cười**  - Mang tiếng cười mua vui, giải trí  - Phê phán, châm biếm thói khoác lác của con người (MĐ chính)  - Bài học: Không nên nói những điều không có thật, quá sự thật trong cuộc sống.  **4. Kết luận**  - Các yếu tố đặc trưng của truyện cười:  + Nhân vật.  + Lời thoại.  + Nguyên nhân gây cười.  + Ý nghĩa câu chuyện. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS: Tìm đọc một số truyện cười Việt Nam.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ mỗi HS tìm đọc ít nhất 3 truyện cười dân gian và kể lại cho bạn cùng lớp.

- GV giới thiệu link đọc tham khảo: <https://truyencuoihay.vn/truyen-cuoi-dan-gian>

Hoặc: https://www.youtube.com/watch?v=0QnQbCBFCn8

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, kể lại cho bạn cùng lớp nghe.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp.  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình) | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp **dẫn**, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Viết**

**Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nắm được kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ về một vấn đề đời sống hiện nay mà em quan tâm.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học về bài Viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được một số điểm cần lưu ý về kiểu văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về một số điểm cần lưu ý khi viết bài nghị luận về một vấn đề đời sống.

**c. Sản phẩm:** HS nắm được một số điểm cần lưu ý khu viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS chia sẻ nội dung tìm hiểu của mình về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  - Dựa vào phần Định hướng (SGK/Tr 102-103), hãy cho biết:  *+ Thế nào là viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống của đời sống?*  *+ Yêu cầu chung của kiểu bài này là gì?*  *+ Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống, các em cần lưu ý gì?*  *+ Nêu dàn ý chung của một bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.*  - HS nhắc lại các yêu cầu mà SGK đã hướng dẫn hoặc nêu các thắc mắc, câu hỏi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1.1. Văn bản nghị luận về một vấn đề của đời sống** rất đa dạng và phong phú, có thể bàn luận về một hiện tượng có thật trong đời sống hằng ngày; có thể nêu lên suy nghĩ của người viết về một vấn đề xã hội đặt ra trong một hoặc một số tác phẩm văn học; có thể nêu suy nghĩ của mình về một tư tưởng, đạo lí,…; Bài này tập trung rèn luyện viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Yêu cầu chung của kiểu bài này là:  - Cần nêu lên được hiện tượng đáng quan tâm trong đời sống.  - Trình bày rõ vấn đề và nêu ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về hiện tượng đó.  - Nêu được lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc đồng tình.  **1.2.** **Để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống, các em cần lưu ý:**  - Xác định hiện tượng của đời sống cần bàn luận. Hiện tượng của đời sống rất phong phú, cần lựa chọn vấn đề gần gũi với cuộc sống, có ý nghĩa thiết thực và sâu sắc,…  - Trước khi viết cần tìm ý và lập dàn ý theo một trong các cách: đặt câu hỏi, suy luận hoặc so sánh.  - Cần nêu được ý kiến (quan điểm) riêng của mình: khẳng định hay phủ định, đồng tình hay phản đối,…  - Các lí lẽ và bằng chứng cần nêu cụ thể, phong phú và có sức thuyết phục.  **1.3. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận**  - Luận đề: là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong văn bản nghị luận.  - Luận điểm: là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.  Trong văn bản nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, dẫn chứng.  **1.4. Bằng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận**  - Bằng chứng khách quan là những thông tin khách quan, có thể kiểm chứng được trong thực tế.  - Ý kiến đánh giá chủ quan: là những nhận định, suy nghĩ, phán đoán theo góc nhìn chủ quan của người viết, thường ít có cơ sở kiểm chứng. Do vậy, để giảm tính chủ quan trong đánh giá, giúp ý kiến trở nên đáng tin cậy, người viết cần đưa ra được các bằng chứng khách quan.  - Có thể phân biệt hai khái niệm này dựa vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Bằng chứng khách quan** | **Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết** | | Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người và sự kiện…  Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy, có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế. | Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể có được diễn đạt bằng các cụm từ như: tôi cho rằng, tôi thấy… hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.  Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng. |   Dàn ý chung của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.  - Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận  - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. (Giải thích, biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả (hoặc vai trò ý nghĩa), giải pháp)  - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến; rút ra giải pháp cho vấn đề. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài và trả lời câu hỏi sau:  + Nhắc lại các bước viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống  + Bước chuẩn bị cần những gì?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày những nội dung đã chuẩn bị và lập dàn ýtheo gợi ý sau:  *+ Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?*  *+ Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?*  *+ Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?*  *+ Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?*  - Sau đó đưa ra lí lẽ, bằng chứng cho bài văn nghị luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | 1 |  |  | | 2 |  |  | | 3 |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  1. Dựa theo dàn ý viết bài.  2. Sửa lại bài sau khi đã viết xong.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, viết.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS kiểm tra và sửa lại bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, tìm và sửa lỗi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày các lỗi đã sửa.  - HS quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.1. Thực hành**  **Bài tập:** *Suy nghĩ của em về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích****.***  **Bước 1:Chuẩn bị**  - Đọc kĩ và tìm hiểu đề để biết các thông tin trước khi viết: nội dung chính, kiểu bài viết và phạm vi bằng chứng cần huy động.  - Tìm hiểu nghĩa của các từ: háo danh, “bệnh” thành tích.  - Đọc sách, báo và tìm những bằng chứng về hiện tượng háo danh, “bệnh” thành tích.  - Ghi chép lại những thông tin liên quan đến các hiện tượng nêu ra trong đề, kể cả tranh, ảnh, bảng biểu, sơ đồ,…(nếu có).  Xác định yêu cầu để, xem lại định hướng viết bài văn nghị luận về một vấn đề của đời sống.  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **a. Tìm ý**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:  + Thế nào là hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Hiện tượng háo danh: là sự ham muốn, thèm khát một cái tên định vị cho mình, trong mối tương quan của cá nhân với cộng đồng.  Bệnh “thành tích”: “bệnh” ở đây là thói xấu hoặc khuyết điểm về tư tưởng tạo nên những hành động đáng chê trách hoặc gây hại, “thành tích” là kết quả được đánh giá tốt do nỗ lực mà đạt được, “bệnh thành tích” là tư tưởng thích được khen ngợi, đánh giá cao nên tạo ra những thành tích không có thật hoặc chạy theo thành tích bên ngoài mà không chú trọng đến thực chất và các mặt lợi, hại của nó khi giá trị thực bên trong không được đảm bảo.  + Các biểu hiện cụ thể của hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích là gì?  → Vì thành tích, chạy theo thành tích mà bất chấp điều kiện và nhu cầu thực tế tạo ra những thành tích giả tạo cốt để tạo uy tín cá nhân, để che mắt dư luận hoặc đế nhận sự khen thưởng của cấp trên...  + Có những ví dụ nào tiêu biểu về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Thời phong kiến, ở làng xã phải nộp tiền để mua danh, nói hình tượng rằng “muốn đỏ môi thì phải tốn tiền”. Chẳng hạn như “kỳ mục” là danh vị mà làng nào cũng có,… + Hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích có liên quan với nhau như thế nào?  + Vì sao cần phê phán hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → Rất nguy hại, dễ dàng làm tha hóa một bộ phận trong xã hội, vì vậy, nhận diện đúng căn bệnh để phòng ngừa, chữa trị, không để lây lan,...  + Làm thế nào để khắc phục được hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích?  → - Đối với người quản lí và chính sách quản lí:  + Cần xem xét một cách toàn diện mối quan hệ giữa thành tích đạt được với cách thức và quá trình đạt được nó để xác định chính xác thực chất giá trị của thành tích.  + Cần đặt ra những mục tiêu có tính thực tế, những kế hoạch cụ thế đế tạo cơ sở thực tế cho những thành tích sau này.  + Cần quản lí chặt chẽ và điều tra nghiêm túc để loại bỏ những thành tích ảo.  - Đối với mỗi cá nhân:  + Cần nâng cao hiểu biết để nhận rõ cái lợi, cái hại, điều cần thiết và những gì không thực sự cần cho sự phát triển chung.  **b. Lập dàn ý**  **-** Mở bài: Nêu vấn đề cần bàn luận.  - Thân bài: Lần lượt trình bày ý kiến theo một trình tự: (Giải thích, biểu hiện, vì sao lại như thế, giải pháp) để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài.  - Kết bài: khái quát lại vấn đề; nêu bài học cho thế hệ trẻ ngày nay.  **Bước 3. Viết bài**  Dựa vào dàn ý để viết bài văn nghị luận về một hiện tượng của đời sống; trong khi viết, chú ý vận dụng cách huy động bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.  Khi viết, luôn luôn chú ý nhiệm vụ của từng phần trong bài viết:  - Mở bài: Viết thành một đoạn văn, giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp vấn đề nghị luận. Tìm hiểu cách mở bài của các văn bản đọc và của bài viết tham khảo để vận dụng.  - Thân bài: Triển khai các ý đã nêu ở dàn ý. Mỗi ý lớn viết thành một đoạn văn. Cần luôn luôn quan tâm vị trí của câu chủ đề (đầu đoạn, cuối đoạn,…), sự phù hợp của câu chủ đề với nội dung cần trình bày và mục đích nghị luận. Tham khảo các kiểu đoạn văn đã phân tích ở văn bản đọc và ở phần Thực hành tiếng Việt để học tập cách viết. Chú ý dùng phương tiện liên kết giữa các câu trong đoạn và các đoạn trong bài.  - Kết bài: Nêu ý nghĩa của vấn đề và phương hướng hành động (viết trong một đoạn văn).  **Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa**  -Tham khảo các yêu cầu đã nêu ở Bài 1, phần Viết, mục d (trang 32) và đối chiếu với dàn ý đề văn đã làm ở bài này.  Đọc kĩ bài viết, căn cứ vào yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập, rà soát các phần, các ý đã triển khai để có cách chỉnh sửa  - Nếu thấy luận điểm ở từng đoạn văn chưa rõ ràng, lí lẽ chưa xác đáng, bằng chứng chưa đầy đủ thì cần bổ sung, chỉnh sửa |

**Hoạt động 3: Rèn luyện kĩ năng nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách thức nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trao đổi và rút ra các kĩ năng cần chú ý khi viết bài.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh làm việc nhóm đôi, ghi kết quả ra phiếu học tập.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày.  - HS quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ sau:  *+ Nhận biết hai loại bằng chứng trong hai đoạn văn trong SGK.*  *+ Tìm thêm một bằng chứng từ thực tế đời sống và một bằng chứng trong thơ văn cho đề bài ở mục 2.1. Thực hành viết theo các bước.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh làm việc cá nhân, trả lời.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày.  - HS quan sát và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng nêu bằng chứng, trình bày và phân tích bằng chứng**  ***a. Cách thức***  Bằng chứng là các ví dụ cụ thể (con người, sự kiện, số liệu, thơ văn,…) mà người viết dẫn ra để làm sáng tỏ ý kiến và lí lẽ, tạo nên sức thuyết phục cho bài nghị luận. Có hai loại bằng chứng cơ bản: bằng chứng từ đời sống và bằng chứng trong thơ văn.  Trong bài văn nghị luận, người viết không chỉ nêu ra bằng chứng mà còn phải phân tích bằng chứng để làm sáng tỏ cho lí lẽ, ý kiến. Các bằng chứng lấy nguyên văn từ sách vở, thơ văn cần để trong dấu ngoặc kép và ghi rõ nguồn trích.  b. Bài tập  - Bằng chứng đoạn 1: Người ta sẵn sàng bỏ bớt công đoạn trong quy trình từ chi tiền, thi công đến nghiệm thu,…miễn sao có thành tích kịp và vượt thời gian phục vụ cho “cắt băng khánh thành”.  - Bằng chứng đoạn 2: Ở văn bản Ông Giuốc-đanh …mà ông đã sung sướng, hả hê: “Cụ lớn, ồ, ồ, cụ lớn! Chú mày thong thả tí đã. Cái tiếng “cụ lớn” đáng thương lắm. “Cụ lớn” không phải là một tiếng tầm thường đâu nhé. Này, cụ lớn thưởng cho các chú đây”.  - Bằng chứng từ thực tế đời sống: Phụ huynh muốn con em mình điểm cao mà sẵn sàng đưa tiền bồi dưỡng các thầy cô, thầy cô vì muốn học trò được điểm cao lấy thành tích cho trường mà mua chuộc giám thị. Chúng ta biết rằng kết quả thi cử của học sinh sẽ là một trong những tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy của giáo viên và nhà trường. Từ đó nếu có một kết quả thi tốt của học sinh, thầy cô sẽ được khen thưởng, nâng lương. Và những phụ huynh học sinh cũng có được một bảng điểm đẹp cho con em mình. Ai cũng được lợi. Bên cạnh những phụ huynh thực sự muốn con em mình đi lên bằng chính sức lực của chúng không ít những phụ huynh vẫn đang tìm mọi cách giúp con có một bảng điểm đẹp, với hy vọng con có một tương lai tươi sáng sau này. Điều đó từ sâu xa đều xuất phát từ lòng thương con của cha mẹ. Ai mà không muốn con mình có một tương lai tốt đẹp hơn. Cứ tới mỗi kỳ thi, chúng ta lại bắt gặp những cuộc trò chuyện như “Đã lo chỗ nào chưa?”, “Đã đi thầy/cô này chưa?”. Chính tình thương quá đáng của bậc cha mẹ đã vô tình trở thành công cụ cho bệnh thành tích ngày càng lây lan rộng hơn.  - Bằng chứng từ thơ văn: Người xưa có câu “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn” đã cho thấy rõ một điều rằng con người ta quan trọng chất lượng chứ không thể lấy cái bề ngoài, cái số lượng để đánh giá giá trị của một vấn đề. Căn bệnh thành tích ngày nay đã đảo lộn mọi giá trị tốt đẹp ấy, đã phá vỡ đi những truyền thống văn hóa của dân tộc. Căn bệnh ấy sẽ khiến những cá nhân tự mãn về bản thân, cho mình luôn giỏi giang nhưng thực chất là không phải. Và ảo tưởng thì thường sẽ không có thật, không thể tồn tại lâu dài. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

- Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nói và nghe:**

**Thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Theo em, hiện tượng đời sống thường đề cập đến những vấn đề như thế nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học về bài Nói và nghe – trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS cần nắm được dạng bài: *Khi thảo luận ý kiến, các em cần lưu ý những gì? Từ đó, đưa ra những yêu cầu cần đạt khi trình bày ý kiến về một hiện tượng trong đời sống/*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  + Các nhóm luyện nói.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  - Thảo luận trao đổi bằng lời nói, thực hiện trong nhóm hoặc cả lớp.  - Để thảo luận ý kiến về một hiện tượng trong đời sống, cần chú ý:  + Nêu được hiện tượng cần thảo luận phù hợp với lứa tuổi.  + Nêu rõ ý kiến (quan điểm) của người nói: đồng tình hay phản đối với vấn đề đã nêu.  + Phân tích và chứng minh ý kiến của mình bằng các lí lẽ và bằng chứng tin cậy, cụ thể, giàu sức thuyết phục.  + Trong khi trình bày có thể sử dụng công nghệ thông tin, tranh, ảnh để tăng hiệu quả. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc đề, GV có thể chia lớp thành 4-6 nhóm để luyện tập.  - GV yêu cầu HS bổ sung các từ, câu dẫn dắt, kết nối các phần. Chú ý giọng điệu khi kể.  - GV hướng dẫn HS đọc kĩ các bước trong SGK và chuẩn bị nội dung bài thuyết trình  - GV tổ chức trò chơi “*Nhà thuyết trình tài ba”*. Các nhóm lần lượt trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị và đưa ra lí lẽ để bảo vệ quan điểm của mình.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Thực hành**  **Bài tập:** Thảo luận về hiện tượng háo danh và “bệnh” thành tích trong đời sống.  ***a. Chuẩn bị***  - HS xác định đối tượng người nghe, bối cảnh trình bày để chuẩn bị nội dung phù hợp.  ***b. Tìm ý và lập dàn ý***  - Tìm ý dựa vào các câu hỏi đã có trong SGK.  - Lập dàn ý dựa vào các ý đã tìm được trên.  ***c. Nói và nghe*** |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá (Hồ sơ học tập).  - GV đặt thêm câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:  *+ Với người nghe: Em thích nhất điều gì trong phần trình bày của bạn? Nếu muốn thay đổi, em muốn thay đổi điều gì trong phần trình bày của bạn?*  *+ Với người nói: Em tâm đắc nhất điều gì trong phần trình bày của mình? Em muốn trao đổi, bảo lưu hay tiếp thu những góp ý của các bạn và thầy cô? Nếu được trình bày lại, em muốn thay đổi điều gì?*  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng. | ***d. Kiểm tra và chỉnh sửa*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi làm bài tập phần Tự đánh giá: Treo biển (SGK – trang 106).

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\*Dự kiến sản phẩm:**

**Câu 1.** D

**Câu 2.** A

**Câu 3.** B

**Câu 4.** A

**Câu 5.** C

**Câu 6.**

- Truyện mang yếu tố hài hước, gây cười: người bán hàng không có chính kiến bản thân, đi nghe lời mọi người dổi tên biển hiệu hết lần này đến lần khác, cuối cùng là cất luôn không treo nữa.

- Cách xây dựng truyện: cái tên sau mỗi lần góp ý của mọi người lại rút ngắn thêm, khiến người đọc phải bật cười vì sự bị động, hành động ngu ngốc của người chủ.

**Câu 7.**

- Nếu bỏ đi các chữ như mọi người đã góp ý thì mục đích của người bán hàng không thành công.

**Câu 8.**

- Truyện phê phán những người không có chính kiến của mình, tin người và không tập trung trong cuộc sống.

**Câu 9.**

- Theo em, chi tiết đáng cười nhất trong truyện là chi tiết người bán hàng cất luôn biển đi, không treo nữa. Vì qua đó, ta thấy được việc không hiểu được nội dung, ý nghĩa của tấm biển, bị động đi nghe lời mọi người, rồi cuối cùng lại quyết định cất đi.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu đánh giá học tập.